

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHÍNH THỨC

31 - 7 - 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/6/2014

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014***MẪU SỐ B01a-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		13.778.291.683.771	13.018.930.127.438
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	1.219.936.043.702	2.745.645.325.950
1. Tiền	111		689.911.851.239	1.394.534.283.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		530.024.192.463	1.351.111.042.277
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	5.917.347.091.318	4.167.317.622.318
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.063.292.575.718	4.313.292.575.718
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(145.945.484.400)	(145.974.953.400)
III. Các khoản phải thu	130		2.239.065.946.679	2.728.421.414.532
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.682.251.662.275	1.894.721.027.784
2. Trả trước cho người bán	132		297.206.010.826	423.820.755.014
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	265.780.237.413	417.266.719.643
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.5	(6.171.963.835)	(7.387.087.909)
IV. Hàng tồn kho	140		4.259.769.334.087	3.217.483.048.888
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	4.273.413.117.553	3.227.859.954.432
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	VI.7	(13.643.783.466)	(10.376.905.544)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		142.173.267.985	160.062.715.750
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	61.300.020.920	129.708.362.747
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.537.060.993	25.468.115.542
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		4.837.610	5.362.800
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		49.331.348.462	4.880.874.661

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)***Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014***MẪU SỐ B01a-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.955.953.497.083	9.856.483.929.198
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.698.683.669	736.666.667
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		3.698.683.669	736.666.667
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.821.435.295.369	8.918.416.535.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	7.781.941.594.915	7.849.058.771.126
- Nguyên giá	222		11.566.765.240.349	11.147.267.493.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.784.823.645.434)	(3.298.208.722.073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	540.416.334.915	531.485.413.625
- Nguyên giá	228		685.428.886.400	690.742.242.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(145.012.551.485)	(159.256.828.648)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	499.077.365.539	537.872.350.628
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.11	103.600.345.899	149.445.717.001
- Nguyên giá	241		132.849.190.358	176.332.062.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(29.248.844.459)	(26.886.345.887)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		494.551.977.550	318.308.294.039
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.13	313.319.111.451	284.629.299.345
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.14	191.271.452.425	43.927.626.956
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	VI.15	(10.038.586.326)	(10.248.632.262)
V. Tài sản dài hạn khác	260		362.797.037.390	295.112.796.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.16	196.204.979.134	171.151.838.315
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		159.403.167.095	115.300.622.640
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.188.891.161	8.660.335.975
VI. Lợi thế thương mại			169.870.157.206	174.463.919.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 + 200)	270		23.734.245.180.854	22.875.414.056.636

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014***MẪU SỐ B01a-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.119.511.114.009	5.307.060.807.329
I. Nợ ngắn hạn	310		4.624.642.854.725	4.956.397.594.108
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.17	66.825.762.412	178.943.692.147
2. Phải trả người bán	312	VI.19	2.354.369.079.371	1.968.257.136.188
3. Người mua trả tiền trước	313		17.653.657.080	20.929.404.542
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.20	512.564.636.095	456.725.904.986
5. Phải trả người lao động	315		116.513.026.857	137.540.107.294
6. Chi phí phải trả	316	VI.21	694.956.152.027	490.760.970.004
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.22	599.446.227.344	1.341.762.807.045
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321	VI.23	262.314.313.539	361.477.571.902
II. Nợ dài hạn	330		494.868.259.284	350.663.213.221
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		5.580.630.094	5.036.159.560
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.18	326.808.491.393	184.142.784.403
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		84.453.521.075	91.065.600.000
6. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	VI.24	77.950.919.000	69.583.293.250
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		74.697.722	835.376.008
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	VI.25	18.552.031.822.579	17.545.489.315.423
I. Vốn chủ sở hữu	410		18.552.031.822.579	17.545.489.315.423
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.339.557.960.000	8.339.557.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	1.276.994.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.388.109.959)	(5.068.507.959)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		496.768.421	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.239.815.387.659	950.237.983.612
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		833.955.796.000	833.955.796.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.866.599.920.458	6.149.811.983.770

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		62.702.244.266	22.863.933.884
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300 + 400 + 439)	440		23.734.245.180.854	22.875.414.056.636

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		6.005.236,47	16.776.617,91
EUR		1.538,02	21.605,63
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 31 tháng 7 năm 2014,

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Đức Diệu Thơ</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Lê Thành Liêm</p>	<p>Giám đốc điều hành Tài chính</p>  <p>Ngô Thị Thu Trang</p>	<p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Mai Kiều Liên</p>
---	--	---	---

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Dạng đầy đủ)***Quý II và lũy kế 6 tháng đầu năm 2014****MẪU SỐ B02a-DN/HN***Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	9.439.872.135.375	8.234.419.301.214	17.283.850.105.014	15.051.819.242.453
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	(207.529.993.653)	(163.966.629.910)	(373.361.616.056)	(304.967.511.077)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VI.1	9.232.342.141.722	8.070.452.671.304	16.910.488.488.958	14.746.851.731.376
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(6.067.063.430.918)	(4.948.104.950.134)	(11.180.704.589.966)	(9.168.342.400.629)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		3.165.278.710.804	3.122.347.721.170	5.729.783.898.992	5.578.509.330.747
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	132.596.919.103	129.367.036.632	260.197.229.206	239.186.577.341
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(30.036.221.972)	(22.644.656.797)	(38.921.202.828)	(43.723.001.279)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(1.158.497.483.244)	(879.032.986.417)	(1.979.518.334.129)	(1.447.492.923.993)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(203.140.968.830)	(159.278.435.934)	(373.830.088.034)	(297.514.329.009)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}	30		1.906.200.955.861	2.190.758.678.654	3.597.711.503.207	4.028.965.653.807
11. Thu nhập khác	31	VI.5	75.057.403.348	60.324.998.160	121.379.475.727	95.364.779.678
12. Chi phí khác	32	VI.6	(31.630.383.828)	(10.856.251.677)	(36.990.034.423)	(22.124.147.008)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		43.427.019.520	49.468.746.483	84.389.441.304	73.240.632.670
14. Phần lãi / (lỗ) trong liên doanh			20.342.364.897	6.323.125.419	31.224.812.106	12.266.974.566

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

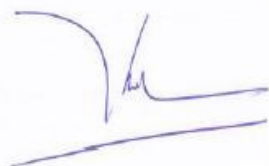
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.969.970.340.278	2.246.550.550.556	3.713.325.756.617	4.114.473.261.043
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(439.313.895.004)	(440.979.068.238)	(786.610.878.654)	(765.649.666.027)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		45.913.409.285	37.204.925.477	44.102.544.455	24.791.049.987
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51+ 52)	60		1.576.569.854.559	1.842.776.407.795	2.970.817.422.418	3.373.614.645.003
Phân bổ cho :						
<i>Cổ đông thiểu số</i>			<i>1.134.105.039</i>	-	<i>8.000.035.634</i>	-
<i>Cổ đông của Công ty</i>			<i>1.575.435.749.520</i>	<i>1.842.776.407.795</i>	<i>2.962.817.386.784</i>	<i>3.373.614.645.003</i>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.890	2.211	3.555	4.047

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm


Giám đốc điều hành Tài chính



Ngô Thị Thu Trang

Lập ngày 31 tháng 7 năm 2014,

Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***6 tháng năm 2014****MẪU SỐ B03a-DN/HN***Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
A. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>I. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		3.713.325.756.617	4.114.473.261.043
<i>II. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
1. Khấu hao TSCĐ	2		508.581.202.613	335.048.204.461
2. (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng	3		4.490.383.932	15.528.583.072
3. (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(4.245.680.474)	(3.592.823.387)
4. (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(264.102.216.516)	(194.375.580.175)
5. Chi phí lãi vay	6	VII.4	23.081.979.699	-
<i>III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		3.981.131.425.871	4.267.081.645.014
1. (Tăng) / giảm các khoản phải thu	9		437.554.509.119	(180.298.548.156)
2. (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		(1.105.369.434.521)	(444.005.116.300)
3. Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuê thu nhập phải nộp)	11		380.978.850.091	(281.006.053.251)
4. (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		41.492.503.842	(33.596.903.109)
5. Tiền lãi vay đã trả	13		(23.125.439.806)	-
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.19	(689.618.423.732)	(578.129.398.087)
7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		966.420.000	1.698.001.520
8. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(385.754.889.954)	(502.509.454.886)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		2.638.255.520.910	2.249.234.172.745
B. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(289.465.822.621)	(605.016.802.693)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		26.656.972.850	12.339.785.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.896.596.000.000)	(1.123.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	332.336.515.321
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(747.825.469)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.535.000.000	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		298.043.365.099	192.291.345.187
8. Mua lại công ty con	29		86.515.208	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.859.487.794.933)	(1.189.349.156.275)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
C. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	31		1.301.716.303	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(319.602.000)	(280.737.959)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		252.760.555.160	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(226.025.390.062)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.333.645.730.800)	(1.500.283.567.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.305.928.451.399)	(1.500.564.305.759)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.527.160.725.422)	(440.679.289.289)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.745.645.325.950	1.252.120.160.804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		690.441.619	1.044.357.818
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài			761.001.555	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.219.936.043.702	812.485.229.333

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng

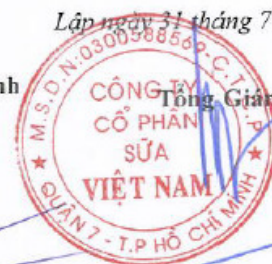


Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính


Ngô Thị Thu Trang

Lập ngày 31 tháng 7 năm 2014,



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN :

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 24/06/2010 : Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- + Ngày 30/09/2010 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.
- + Ngày 18/9/2012, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

- + Ngày 21/10/2013 : Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- + Ngày 06/12/2013, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Drifwood Dairy Holding Corporation tại Bang Carlifornia, Hoa Kỳ. Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7.000.000,00 USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Công ty Drifwood Dairy Holding Corporation.
- + Ngày 06/01/2014, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty TNHH Sữa Angkor tại Phnompenh, Campuchia với tỷ lệ 51%.
- + Ngày 30/5/2014, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.

Tại thời điểm 30/6/2014,

+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

Các chi nhánh:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

10/ Nhà máy sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.

11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

Kho vận:

1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Q.3, TP.HCM.

Công ty con:

+ Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lê Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế (*)

- Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa

- Địa chỉ: Khu phố 1, Thị trấn NT Thống Nhất, Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 96.33%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 96.33%

+ Công ty Cổ phần Sữa Drifwood (Driftwood Dairy Holding Corporation)

- Địa chỉ: 10724 E.Lower Azusa Rd. El Monte, California 91731-1390, USA
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 70%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 70%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

+ Công ty TNHH Sữa Angkor (Angkor Dairy Products Co., Ltd)

- Địa chỉ: Lô P2-096-097, Đặc khu kinh tế Phnompenh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan Ponsenchey, Phnompenh, Vương quốc Campuchia.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 51%

+ Công ty Vinamilk Europe sp.z.o.o (Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialoscia)

- Địa chỉ: Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa, Poland
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

(*) : Ngày 24/02/2014, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 15 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 15%

+ Công ty TNHH MIRAKA

- Địa chỉ: 109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 19,29%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 19,29%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính : Công ty địa ốc FICO
Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM.
- Tỷ lệ phần sở hữu : 24,5 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- l. Phòng khám đa khoa;
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
- n. Dịch vụ sau thu hoạch;
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/6.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- Tập đoàn soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Các Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với Báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
 - + Các khoản tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

▪ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động Kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

▪ **Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:**

Cuối quý, cuối niên độ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

➤ **Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2013	:	21.080 VNĐ/USD
30/6/2014	:	21.295 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi : được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

Tập đoàn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

➤ **TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển dần bù được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao.

➤ **TSCĐ vô hình:**

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

b. Phương pháp khấu hao:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Giá súc	6

- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Khấu hao : Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- Thanh lý : Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - + Chi phí khuyến mãi phải trả: Được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
 - + Chi phí quảng cáo phải trả: Được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
 - + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: Trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
 - + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

12. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

a. Tài sản tài chính

➤ **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ **Tài sản sẵn sàng để bán**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

b. Nợ phải trả tài chính

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:
 - + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
 - + Thặng dư vốn cổ phần: Là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
 - + Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10% lợi nhuận sau thuế
 - + Quỹ dự phòng tài chính : 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn điều lệ của Công ty).

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập Đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi) được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt các nhà máy sản xuất.

17. Hợp nhất báo cáo

➤ Công ty con

- Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

➤ **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.**

- Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

➤ **Công ty liên kết**

- Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.
- Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Tập đoàn đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Tập đoàn phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và Euro (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt trên rủi ro tiềm tàng của những biến động về tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	6.005.236,47	1.538,02	127.881.510.629	44.362.649
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	20.153.891,84	-	429.177.126.733	-
	<u>26.159.128,31</u>	<u>1.538,02</u>	<u>557.058.637.361</u>	<u>44.362.649</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**)	(37.741.001,93)	(5.296.343,90)	(803.694.636.099)	(152.767.743.452)
Mức độ rủi ro tiền tệ	(11.581.873,62)	(5.294.805,88)	(246.635.998.738)	(152.723.380.803)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	16.776.617,91	21.605,63	353.651.105.541	625.612.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	40.228.189,38	-	848.010.232.201	-
	<u>57.004.807,29</u>	<u>21.605,63</u>	<u>1.201.661.337.742</u>	<u>625.612.622</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**)	(28.256.420,03)	(6.861.815,21)	(595.645.334.232)	(198.690.721.221)
Mức độ rủi ro tiền tệ	28.748.387,26	(6.840.209,58)	606.016.003.509	(198.065.108.599)

(*) : Phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày ở thuyết minh này bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác có gốc công nợ USD/EUR tại thời điểm cuối kỳ.

(**) : Phải trả người bán và các khoản nợ khác được trình bày ở thuyết minh này bao gồm các khoản nợ phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác ngắn hạn và dài hạn có gốc công nợ USD/EUR tại thời điểm cuối kỳ.

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong năm như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
USD	21.295	21.080
EUR	28.844	28.956

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 5% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 9.618.803.951 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 5% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 5.956.211.851 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá các chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 8.020.790.544 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

c. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

- Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.218.755.624.051	2.744.355.064.174
Tiền gửi có kỳ hạn	5.396.596.000.000	3.600.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.945.558.619.522	2.305.337.326.184
Đầu tư ngắn hạn – Công cụ nợ	-	-
Đầu tư dài hạn – Công cụ nợ	100.000.000.000	-
	<u>8.660.910.243.573</u>	<u>8.649.692.390.358</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Tiền và các khoản tương đương tiền và Tiền gửi có kỳ hạn:

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới được đánh giá về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.
- Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn – Công cụ nợ

- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.
- Trong kỳ, không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ nợ
- a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:
 - Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các Công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.
 - Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Tập đoàn lên đến 1.868.513.265.457 VND (2013: 2.108.901.971.077 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
Quá hạn 1 đến 30 ngày	68.963.375.669	182.137.670.525
Quá hạn 31 đến 60 ngày	159.555.865	1.522.157.190
Quá hạn 61 đến 90 ngày	609.723.901	132.616.901
Quá hạn hơn 90 ngày	166.581.220	166.581.220
	<u>69.899.236.655</u>	<u>183.959.025.836</u>

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
Tổng gộp	13.318.081.245	19.863.417.180
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(6.171.963.835)	(7.387.087.909)
	<u>7.146.117.410</u>	<u>12.476.329.270</u>

	30/6/2014	31/12/2013
Giá trị đầu kỳ	7.387.087.909	3.852.583.886
Dự phòng tăng	1.352.547.532	7.317.652.651
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(2.607.330.646)	(3.783.148.628)
CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	39.659.040	-
Giá trị cuối kỳ	<u>6.171.963.835</u>	<u>7.387.087.909</u>

3. **Rủi ro thanh khoản:**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Tập đoàn theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 2 năm	Từ 2 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014						
- Phải trả người bán	2.354.369.079.371	2.354.369.079.371	2.354.369.079.371		-	-
- Phải trả người lao động	116.513.026.857	116.513.026.857	116.513.026.857		-	-
- Chi phí phải trả	694.956.152.027	694.956.152.027	694.956.152.027		-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	599.446.227.344	599.446.227.344	599.446.227.344		-	-
- Phải trả dài hạn khác	5.580.630.094	5.580.630.094	-	5.580.630.094	-	-
- Vay và nợ ngắn hạn	66.825.762.412	72.024.635.183	72.024.635.183		-	-
- Vay và nợ dài hạn	326.808.491.393	350.105.607.578	31.717.470.074	50.514.218.277	257.388.406.479	10.485.512.748
	4.164.499.369.498	4.192.995.358.454	3.869.026.590.856	56.094.848.371	257.388.406.479	10.485.512.748
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013						
- Phải trả người bán	1.968.257.136.188	1.968.257.136.188	1.968.257.136.188			
- Phải trả người lao động	137.540.107.294	137.540.107.294	137.540.107.294			
- Chi phí phải trả	490.760.970.004	490.760.970.004	490.760.970.004			
- Phải trả ngắn hạn khác	1.341.762.807.045	1.341.762.807.045	1.341.762.807.045			
- Phải trả dài hạn khác	5.036.159.560	5.036.159.560	-	5.036.159.560		
- Vay và nợ ngắn hạn	178.943.692.147	204.657.303.863	204.657.303.863			
- Vay và nợ dài hạn	184.142.784.403	198.513.958.271		50.652.124.622	131.922.306.779	15.939.526.870
	4.306.443.656.641	4.346.528.442.225	4.142.978.324.394	55.688.284.182	131.922.306.779	15.939.526.870

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014		31/12/2013	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết nắm giữ để kinh doanh	(ii)	9.521.269.292	37.880.304.000	9.521.269.292	26.326.080.000
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:					
- Trái phiếu doanh nghiệp	(v)	-	Thuyết minh (v)	-	Thuyết minh (v)
- Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(v)	100.000.000.000	Thuyết minh (v)	-	Thuyết minh (v)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.218.755.624.051	1.218.755.624.051	2.744.355.064.174	2.744.355.064.174
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	5.396.596.000.000	5.396.596.000.000	3.600.000.000.000	3.600.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	1.945.558.619.522	1.945.558.619.522	2.305.337.326.184	2.305.337.326.184
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	179.237.503.400	102.830.712.800	179.237.503.400	100.350.264.600
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán	(iii)	82.533.803.026	12.995.150.626	82.533.803.026	15.446.113.626
- Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	21.677.078.220	11.638.491.894	21.677.078.220	11.428.445.958
- Đầu tư dài hạn khác	(v)	22.998.374.205	Thuyết minh (v)	22.250.548.736	Thuyết minh (v)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	(4.164.499.369.498)	(4.164.499.369.498)	(4.306.443.656.641)	(4.306.443.656.641)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên Giá trị Tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

v. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.180.419.651	1.290.261.776
- Tiền gửi ngân hàng	688.731.431.588	1.393.244.021.897
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	530.024.192.463	1.351.111.042.277
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	530.024.192.463	1.351.111.042.277
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>1.219.936.043.702</u>	<u>2.745.645.325.950</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	271.292.575.718	271.292.575.718
• Chứng khoán đã niêm yết	188.758.772.692	188.758.772.692
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.533.803.026	82.533.803.026
• Trái phiếu doanh nghiệp	-	-
• Trái phiếu Chính phủ	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	5.792.000.000.000	4.042.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	5.350.000.000.000	3.600.000.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	442.000.000.000	442.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(145.945.484.400)	(145.974.953.400)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(145.945.484.400)	(145.974.953.400)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>5.917.347.091.318</u>	<u>4.167.317.622.318</u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số đầu năm	(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
- Trích lập dự phòng	(3.819.781.000)	(18.517.620.410)
- Tăng khác (phân loại từ dự phòng dài hạn)	-	-
- Hoàn nhập dự phòng	3.849.250.000	5.382.424.920
- Sử dụng dự phòng	-	670.000.000
Số cuối kỳ	<u>(145.945.484.400)</u>	<u>(142.493.871.110)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	1.102.807.844.608	928.450.463.489
- Khách hàng nước ngoài	579.443.817.667	966.270.564.295
Cộng	<u>1.682.251.662.275</u>	<u>1.894.721.027.784</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	3.485.504.470	737.900.941
- Lãi tiền gửi	142.581.023.277	186.194.305.557
- Cổ tức	-	6.280.283.226
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay	155.555.556	-
- Thuế NK còn được hoàn	87.978.411.706	126.227.097.567
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	-	80.172.000.489
- Phải thu khác	31.579.742.404	17.655.131.863
Cộng	<u>265.780.237.413</u>	<u>417.266.719.643</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Tỷ lệ trích lập (%)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(6.171.963.835)	(7.387.087.909)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	30%	(3.607.388.332)	(5.466.928.938)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	-	(1.765.430.582)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	(2.492.189.114)	(76.342.000)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	100%	(72.386.389)	(78.386.389)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	100%	-	-
Cộng		<u>(6.171.963.835)</u>	<u>(7.387.087.909)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	1.040.618.856.713	545.709.876.853
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	2.017.127.215.643	1.672.882.301.995
- Công cụ, dụng cụ	8.156.456.458	8.098.365.017
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	126.504.558.427	138.430.291.511
- Thành phẩm	1.042.172.330.667	837.395.279.814
- Hàng hóa	35.862.804.008	24.520.590.546
- Hàng gửi đi bán	2.970.895.637	823.248.697
Cộng	<u>4.273.413.117.553</u>	<u>3.227.859.954.432</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(10.492.626.640)	(6.030.018.852)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.838.390.700)	(1.692.735.380)
- Thành phẩm	(1.309.766.126)	(2.646.251.312)
- Hàng hóa	(3.000.000)	(7.900.000)
Cộng	<u>(13.643.783.466)</u>	<u>(10.376.905.544)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số đầu năm	(10.376.905.544)	(3.455.165.385)
- Trích lập dự phòng	(12.388.355.173)	(2.780.108.963)
- Hoàn nhập dự phòng	9.011.003.837	2.556.276.982
- Sử dụng dự phòng	110.473.414	346.020.901
Số cuối kỳ	<u>(13.643.783.466)</u>	<u>(3.332.976.465)</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>CLTG quy đổi BCTC nước ngoài</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	4.639.162.926	11.870.925.718	8.404.204.657	-		8.105.883.987
- Chi phí quảng cáo	382.123.637	137.500.000	368.941.816	-		150.681.821
- Chi phí tư vấn	-	2.671.308.000	1.815.672.573	-		855.635.427
- Chi phí CCDC bán hàng	68.191.861.682	18.387.078.306	30.387.848.968	56.191.091.020		-
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	1.571.816.638	7.781.184.226	4.471.823.942	-		4.881.176.922
- Chi phí vật liệu, CCDC	15.498.524.082	17.878.494.449	22.014.876.043	-		11.362.142.488
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	3.150.662.892	2.769.897.828	3.343.433.955	-		2.577.126.765
- Chi phí khác	36.274.210.890	123.962.627.010	124.247.219.723	2.705.107.623	82.862.956	33.367.373.510
Cộng	<u>129.708.362.747</u>	<u>185.459.015.537</u>	<u>195.054.021.677</u>	<u>58.896.198.643</u>	<u>82.862.956</u>	<u>61.300.020.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	2.126.117.218.387	7.747.429.057.274	592.136.887.627	400.572.098.813	228.946.974.351	52.065.256.747	11.147.267.493.199
Mua sắm mới	9.731.784.484	44.886.954.657	16.450.906.849	7.194.036.615	-	2.939.949.428	81.203.632.033
Đầu tư XDCB hoàn thành	98.955.164.902	154.088.208.974	48.298.177.550	4.254.143.544	-	373.520.370	305.969.215.340
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	57.734.323.436	-	57.734.323.436
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	(1.265.791.229)	-	1.265.791.229	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.933.883.908)	(2.745.593.157)	(8.975.057.357)	(130.200.000)	(14.961.918.656)	-	(30.746.653.078)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	634.511.504	3.443.517.408	560.708.182	142.544.319	-	555.948.006	5.337.229.419
Số dư cuối kỳ	2.231.504.795.369	7.945.836.353.927	648.471.622.851	413.298.414.520	271.719.379.131	55.934.674.551	11.566.765.240.349
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	365.323.412.697	2.413.392.957.350	204.968.808.243	188.696.967.596	82.411.226.983	43.415.349.204	3.298.208.722.073
Khấu hao	53.242.637.918	365.974.090.320	27.754.228.925	26.910.836.622	21.212.000.957	2.812.874.614	497.906.669.356
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	47.463.481	(47.463.481)	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.519.852.226)	(2.663.609.616)	(3.552.287.414)	(130.200.000)	(5.991.536.319)	-	(14.857.485.575)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	314.438.830	2.477.546.110	199.185.910	108.016.740	-	466.551.990	3.565.739.580
Số dư cuối kỳ	416.408.100.700	2.779.133.520.683	229.369.935.664	215.585.620.958	97.631.691.621	46.694.775.808	3.784.823.645.434
III. Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	1.760.793.805.690	5.334.036.099.924	387.168.079.384	211.875.131.217	146.535.747.368	8.649.907.543	7.849.058.771.126
Tại ngày cuối kỳ	1.815.096.694.669	5.166.702.833.244	419.101.687.187	197.712.793.562	174.087.687.510	9.239.898.743	7.781.941.594.915

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	527.261.303.957	-	94.970.936.419	68.510.001.897	690.742.242.273
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	33.384.184.840	-	-	-	33.384.184.840
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	(18.693.719.659)	-	-	(22.805.280.000)	(41.498.999.659)
-Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
-CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	2.296.030.843	-	-	505.428.103	2.801.458.946
+ Số cuối kỳ	544.247.799.981	-	94.970.936.419	46.210.150.000	685.428.886.400
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	56.128.172.644	-	55.185.134.556	47.943.521.448	159.256.828.648
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao	3.145.751.348	-	3.981.155.098	1.125.577.189	8.252.483.635
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(22.805.280.000)	(22.805.280.000)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
-CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	3.301.655	-	-	305.217.547	308.519.202
+ Số cuối kỳ	59.277.225.647	-	59.166.289.654	26.569.036.184	145.012.551.485
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	471.133.131.313	-	39.785.801.863	20.566.480.449	531.485.413.625
+ Số cuối kỳ	484.970.574.334	-	35.804.646.765	19.641.113.816	540.416.334.915

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

11. Bất động sản đầu tư :

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	82.224.238.170	87.500.683.627	-	6.607.141.091	176.332.062.888
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển từ hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	(43.339.950.000)	-	-	(142.922.530)	(43.482.872.530)
+ Số cuối kỳ	38.884.288.170	87.500.683.627	-	6.464.218.561	132.849.190.358
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	264.518.968	23.910.135.825	-	2.711.691.094	26.886.345.887
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao	396.778.452	1.702.060.242	-	323.210.928	2.422.049.622
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	(59.551.050)	(59.551.050)
+ Số cuối kỳ	661.297.420	25.612.196.067	-	2.975.350.972	29.248.844.459
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	81.959.719.202	63.590.547.802	-	3.895.449.997	149.445.717.001
+ Số cuối kỳ	38.222.990.750	61.888.487.560	-	3.488.867.589	103.600.345.899

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số dư đầu năm	537.872.350.628	3.565.241.433.334
- Tăng trong kỳ	269.910.022.261	529.776.036.649
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(305.969.215.340)	(1.991.034.595.678)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(30.097.930.832)
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
- Chuyển sang Hàng tồn kho	-	-
- Thanh lý	-	-
- Giảm khác	(2.994.974.595)	(963.072.848)
- CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài	259.182.584	-
Số dư cuối kỳ	<u>499.077.365.539</u>	<u>2.072.921.870.625</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng sau :

+ Công ty CP sữa Việt Nam :

- Văn phòng công ty : đang thực hiện các công trình sau:

<i>Trang trại Bò Sữa</i>	83.857.456.360	42.205.457.959
<i>NM Sữa Lam Sơn</i>	-	43.884.003.069
<i>Công trình khác</i>	19.954.620.292	46.803.177.345
- NM Sữa Bình Định	70.215.012	5.669.726.475
- XNKV Hà Nội	8.107.019.200	8.107.019.200
- NM Sữa bột Việt Nam	6.857.174.231	1.068.849.105.001
- NM Sữa Việt Nam	15.031.839.777	720.517.099.011
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	52.101.510.922	45.164.072.740
- Các đơn vị khác	366.683.571	6.727.028.816
+ Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	225.044.343.881	21.819.071.962
+ Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	56.767.647.313	63.176.109.047
+ Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	262.963.105	-
+ Công ty Sữa Angkor	9.653.507.535	-
+ Công ty Cổ phần Sữa Driftwood	21.002.384.340	-
Cộng	<u>499.077.365.539</u>	<u>2.072.921.870.625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn gốc đầu tư cuối kỳ	Giá trị đầu tư cuối kỳ
	Theo giấy phép	Thực góp		
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.247.684.826	7.247.684.826
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	15,00%	15,00%	18.000.000.000	31.080.189.030
- Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết	19,29%	19,29%	213.028.307.770	274.991.237.595(*)
Cộng			238.275.992.596	313.319.111.451

(*) Tập đoàn sử dụng Báo cáo tài chính tháng 5/2014 của Công ty TNHH Miraka để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	21.677.078.220	21.677.078.220
• Cổ phiếu đã niêm yết	-	-
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
• Các quỹ đầu tư	21.677.078.220	21.677.078.220
- Trái phiếu doanh nghiệp	100.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	46.596.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	22.998.374.205	22.250.548.736
Cộng	191.271.452.425	43.927.626.956

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(10.038.586.326)	(10.248.632.262)
Cộng	(10.038.586.326)	(10.248.632.262)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	(10.248.632.262)	(14.355.884.467)
- Trích lập dự phòng	-	(309.731.888)
- Hoàn nhập dự phòng	210.045.936	-
- Sử dụng dự phòng	-	-
- Giảm khác (phân loại sang dự phòng ngắn hạn)	-	-
Số cuối kỳ	(10.038.586.326)	(14.665.616.355)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài	Số cuối kỳ
- Tiền thuê mặt bằng	6.432.866.456	1.906.554.154	1.763.075.173	1.130.204.051	-	5.446.141.386
- CP CCDC	83.951.133.124	77.080.213.324	31.438.986.096	23.929.410.340	-	105.662.950.012
- CP trả trước dài hạn khác	80.767.838.735	28.116.241.825	22.973.349.033	849.955.137	35.111.346	85.095.887.736
Cộng	171.151.838.315	107.103.009.303	56.175.410.302	25.909.569.528	35.111.346	196.204.979.134

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	46.212.202.412	-
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	517.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	20.613.560.000	178.426.692.147
Cộng	66.825.762.412	178.943.692.147

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay dài hạn ngân hàng	316.322.978.645	168.203.257.533
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	1.047.000.000
- Nợ dài hạn	10.485.512.748	14.892.526.870
Cộng	326.808.491.393	184.142.784.403

Kỳ hạn thanh toán Vay và Nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Từ 1 năm trở xuống	20.613.560.000	178.426.692.147
- Trên 1 năm đến 5 năm	316.322.978.645	168.203.257.533
- Trên 5 năm	10.485.512.748	15.939.526.870
Cộng	347.422.051.393	362.569.476.550

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhà cung cấp nội địa	1.299.207.784.260	1.061.181.712.262
- Nhà cung cấp nước ngoài	1.054.332.608.880	906.965.396.868
- Nhà phân phối	828.686.231	110.027.058
Cộng	2.354.369.079.371	1.968.257.136.188

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

20. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	106.950.956.654	493.240.752.314	528.889.701.121	-	71.302.007.847
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	256.506.475.979	256.506.475.979	-	-
- Thuế GTGT nhà thầu	-	1.454.657.695	1.454.657.695	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	188.140.570.122	188.136.921.122	-	3.649.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.889.518.369	789.020.383.190	689.618.423.732	20.425.332	436.311.903.159
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	-	1.938.858.220	1.896.009.844	363.225	43.211.601
- Thuế thu nhập cá nhân	12.853.254.782	96.059.120.615	105.314.924.862	271.933	3.597.722.468
- Thuế tài nguyên	29.549.880	234.642.145	228.216.355	-	35.975.670
- Thuế nhà đất	-	13.359.393	13.359.393	-	-
- Tiền thuê đất	-	2.705.540.745	1.436.303.070	-	1.269.237.675
- Các loại thuế khác	-	145.780.942	144.860.073	7.806	928.675
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.625.301	310.569.694	313.194.995	-	-
Cộng	456.725.904.986	1.829.770.711.054	1.773.953.048.241	21.068.296	512.564.636.095

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	256.630.575.009	218.642.778.937
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trung bày	13.193.976.387	-
- Chi phí quảng cáo	211.929.380.721	66.981.178.134
- Chi phí vận chuyển	67.346.286.429	40.344.338.573
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	20.016.262.783	12.478.798.051
- Chi phí lãi vay	344.340.150	384.249.613
- Chi phí nhiên liệu	15.085.722.830	18.140.900.939
- Chi phí nhân công thuê ngoài	12.640.054.749	13.071.225.266
- Chi phí phải trả khác	97.769.552.969	120.717.500.491
Cộng	694.956.152.027	490.760.970.004

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHXH, BHYT, BHTN	1.014.498.672	417.448.537
- Kinh phí công đoàn	602.135.889	527.791.939
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.605.485.594	21.931.607.492
- Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	58.971.461.122	82.832.057.449
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	461.266.759.155	448.007.419.155
- Cổ tức phải trả	-	664.944.528.680
- Thuế Nhập khẩu phải trả	43.882.090.457	108.992.820.343
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.103.796.455	14.109.133.450
Cộng	<u><u>599.446.227.344</u></u>	<u><u>1.341.762.807.045</u></u>

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số dư đầu năm	361.477.571.902	406.397.724.109
- Trích lập quỹ	289.577.404.047	334.673.748.439
- Tăng khác	-	-
- Chi trả	(388.740.662.410)	(502.590.591.835)
Số dư cuối kỳ	<u><u>262.314.313.539</u></u>	<u><u>238.480.880.713</u></u>

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số dư đầu năm	69.583.293.250	59.635.777.000
- Trích lập dự phòng	8.593.969.617	10.541.348.383
- Sử dụng dự phòng	(226.343.867)	(290.361.800)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(115.474.167)
Số dư cuối năm	<u><u>77.950.919.000</u></u>	<u><u>69.771.289.416</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2			3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)	-	93.889.017.729	588.402.022.008	5.198.757.611.120	15.493.096.595.857
- Tăng vốn năm trước	-	-	(38.950.000)	-	22.835.000	-	16.115.000	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(525.442.959)	-	-	-	-	(525.442.959)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	6.534.133.662.834	6.534.133.662.834
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	856.326.130.883	245.553.773.992	(1.749.089.266.584)	(647.209.361.709)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.834.006.138.600)	(3.834.006.138.600)
Số dư đầu năm nay	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.068.507.959)	-	950.237.983.612	833.955.796.000	6.149.811.983.770	17.545.489.315.423
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(319.602.000)	-	-	-	-	(319.602.000)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.962.817.386.784	2.962.817.386.784
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	289.577.404.047	-	(579.154.808.096)	(289.577.404.049)
- Tăng khác	-	-	-	496.768.421	-	-	-	496.768.421
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.666.874.642.000)	(1.666.874.642.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.388.109.959)	496.768.421	1.239.815.387.659	833.955.796.000	6.866.599.920.458	18.552.031.822.579

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ:**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	17.283.850.105.014	15.051.819.242.453
• <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	309.849.785.598	204.589.077.802
• <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	16.945.349.181.621	14.832.170.254.001
• <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	21.023.801.140	9.405.215.017
• <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	7.627.336.655	5.654.695.633
Các khoản giảm trừ doanh thu:	373.361.616.056	304.967.511.077
• <i>Chiết khấu thương mại</i>	320.197.025.443	299.039.349.901
• <i>Giảm giá theo quyết định 1079/QĐ/BTC</i>	13.370.424.369	-
• <i>Hàng bán bị trả lại</i>	39.794.166.244	5.928.161.176
Doanh thu thuần	16.910.488.488.958	14.746.851.731.376
<i>Trong đó:</i>		
• <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	16.881.837.351.163	14.731.791.820.726
• <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	28.651.137.795	15.059.910.650

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	254.221.377.008	169.432.882.759
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	10.899.891.979.887	8.962.852.753.502
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.814.568.257	792.936.755
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	3.227.024.003	3.058.673.762
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	3.147.479.491	4.096.098.374
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	15.024.809.983	27.885.223.496
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.377.351.336	223.831.981
Cộng	11.180.704.589.966	9.168.342.400.629

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	242.998.837.940	160.939.818.090
- Lãi trái phiếu	155.555.556	20.411.986.300
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.145.160.880	10.555.379.200
- Lãi đầu tư chứng khoán	-	12.258.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	7.651.994.356	43.674.274.065
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.245.680.474	3.592.823.387
- Khác	-	37.799
Cộng	260.197.229.206	239.186.577.341

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền vay ngân hàng, các tổ chức khác	23.081.979.699	-
- Lãi ký quỹ	416.150.527	455.671.011
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	-	3.168.037
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	6.111.685.309	10.482.277.474
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(29.469.000)	13.135.195.490
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(210.045.936)	309.731.887
- Hỗ trợ thanh toán nhà phân phối	9.550.902.229	15.347.931.131
- Khác	-	3.989.026.249
Cộng	<u>38.921.202.828</u>	<u>43.723.001.279</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	28.416.095.004	14.350.527.874
- Thu thanh lý XDCB dở dang	-	-
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC	47.446.530.171	47.391.248.340
- Thu tiền phạt, bồi thường	8.278.154.540	209.469.232
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	15.160.011.201	26.560.408.695
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	64.225.159	-
- Các khoản thuế được hoàn	-	328.562.102
- Thu nhập khác	22.014.459.652	6.524.563.435
Cộng	<u>121.379.475.727</u>	<u>95.364.779.678</u>

6. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	34.582.887.162	14.689.262.051
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	68.150.000	-
- Giá trị hạng mục XDCB dở dang thanh lý	-	-
- Giá trị CCDC thanh lý	-	84.657.482
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	3.000.000
- Thuế bị phạt, bị truy thu	858.622.863	-
- Chi phí khác	1.480.374.398	7.347.227.475
Cộng	<u>36.990.034.423</u>	<u>22.124.147.008</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.962.817.386.784	3.373.614.645.003
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.962.817.386.784	3.373.614.645.003
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	833.448.019	833.525.676
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.555	4.047

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	833.467.061	833.525.676
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(19.042)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	833.448.019	833.525.676

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.293.618.128.999	8.500.294.516.761
- Chi phí nhân công	799.286.729.130	452.587.203.931
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	508.581.202.612	329.321.250.885
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.518.842.565	534.713.245.247
- Chi phí khác	1.582.785.240.862	1.158.882.480.089
Cộng	13.866.790.144.168	10.975.798.696.913

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.254.144.439.354	8.463.963.223.180
- Chi phí nhân công	417.354.482.432	260.627.596.739
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.836.356.920	283.238.762.945
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.605.608.715	201.033.576.252
- Chi phí khác	122.500.834.583	21.928.284.795
Cộng	11.513.441.722.004	9.230.791.443.911

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	232.386.170.229	91.992.354.002
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.671.994.771	28.417.286.908
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	58.418.020.722	37.897.097.807
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.570.723.688	12.962.757.109
- Chi phí bảo hành	8.564.573.835	6.592.393.974
- Chi phí vận chuyển hàng bán	231.374.182.693	172.510.087.139
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	91.020.009.743	70.792.148.997
- Chi phí quảng cáo	461.620.680.128	391.833.949.737
- Chi phí nghiên cứu thị trường	4.313.323.370	5.102.563.494
- Chi phí khuyến mãi	376.751.722.992	222.228.099.653
- Chi phí trung bày	174.778.479.139	161.126.572.907
- Chi phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối	295.048.452.819	246.037.612.266
Cộng	<u>1.979.518.334.129</u>	<u>1.447.492.923.993</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	149.546.076.470	99.967.253.190
- Chi phí vật liệu quản lý	7.801.694.874	7.914.006.673
- Chi phí đồ dùng văn phòng	6.763.488.747	2.733.214.831
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.174.122.004	33.119.730.831
- Thuế, phí, lệ phí	3.616.545.545	3.800.198.785
- Chi phí dự phòng	9.946.517.149	12.370.230.429
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	21.678.049.020	23.263.629.147
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	80.840.992.392	67.113.803.712
- Chi phí nhập hàng	8.008.589.279	9.914.271.414
- Công tác phí	10.475.825.442	8.480.334.845
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	5.324.012.926	1.811.050.431
- Chi phí khác bằng tiền	36.654.174.186	27.026.604.721
Cộng	<u>373.830.088.034</u>	<u>297.514.329.009</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	229.692.619.200	106.307.306.170
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	-	9.510.655.000
	<u>229.692.619.200</u>	<u>115.817.961.170</u>

ii) Bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	331.149.070	-
	<u>331.149.070</u>	<u>-</u>

iii) Thu hồi vốn góp đầu tư vào các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty liên doanh		
- Công ty địa ốc Fico	735.000.000	-
Công ty liên kết		
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000
	<u>2.535.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>

iv) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	36.586.082.401	40.157.034.015

i) Chi trả cổ tức:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	1.052.049.600.000	676.317.600.000

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan :*i) Phải thu khách hàng và phải thu khác :*

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty liên kết		
- Công ty TNHH Miraka	-	5.960.887.170
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	7.821.000	-
	<u>7.821.000</u>	<u>5.960.887.170</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014





ii) Phải trả người bán

	30/6/2014	31/12/2013
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	-	38.124.281.430
	-	38.124.281.430

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý II năm 2014		Quý II năm 2013	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.596.948.467.430	842.923.667.945	6.949.455.543.951	1.284.963.757.263
2. Các khoản giảm trừ	207.529.993.653	-	163.650.157.610	316.472.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 - 2)	8.389.418.473.777	842.923.667.945	6.785.805.386.341	1.284.647.284.963
4. Giá vốn hàng bán	5.365.837.364.765	701.226.066.153	3.995.050.934.717	953.054.015.417
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 - 4)	3.023.581.109.012	141.697.601.792	2.790.754.451.623	331.593.269.547

CHỈ TIÊU	6 tháng năm 2014		6 tháng năm 2013	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.771.684.382.246	1.512.165.722.768	13.138.773.229.541	1.913.046.012.912
2. Các khoản giảm trừ	373.361.616.056	-	304.569.684.817	397.826.260
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 - 2)	15.398.322.766.190	1.512.165.722.768	12.834.203.544.724	1.912.648.186.652
4. Giá vốn hàng bán	9.969.705.358.455	1.210.999.231.511	7.710.933.183.429	1.457.409.217.200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 - 4)	5.428.617.407.735	301.166.491.257	5.123.270.361.295	455.238.969.452

<i>Lập ngày 31 tháng 7 năm 2014,</i>			
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên